

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/DS-PT

Ngày: 25 - 02 - 2020

V/v tranh chấp Chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1930. Trú quán: Xóm D, xã D, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người được ông M ủy quyền: Anh Nguyễn Đình Ng n, sinh năm 1967 (Con ông M). Trú quán: Xóm D, xã D, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm 8, xã N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người được anh H ủy quyền: Chị Đình Thị T, sinh năm 1964. Trú quán: Xóm 8, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Ông Thái Bình D , Luật sư thuộc Văn phòng luật sư L– Đoàn luật sư Nghệ An. Địa chỉ: Số 7, đường D, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Đình Ng , sinh năm 1967. Trú quán: Xóm D xã D, thị xã Th, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965. Trú quán: Xóm An Mỹ, thị trấn V , huyện H, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Đình o, sinh năm 1969. Vắng mặt. Người được anh T ủy quyền: Anh Nguyễn Đình Ng , sinh năm 1967. Có mặt.

4. Chị Lê Thị L , sinh năm 1974 (Vợ anh T). Có mặt.

Đều trú quán: Xóm D xã D, thị xã T, Nghệ An.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Đình H , bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2019 các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Đình M , người đại diện theo ủy quyền cho ông M trình bày: Ông Nguyễn Đình M có vợ là bà Hoàng Thị H sinh được 05 người con gồm: Anh Nguyễn Đình H , chị Nguyễn Thị Th , anh Nguyễn Đình Ngu , anh Nguyễn Đình T và Nguyễn Đình Th (Anh Th chết năm 1995 khi chưa có vợ con). Bố mẹ bà Hoàng Thị H đã chết từ lâu, bà H chết năm 2012 còn anh Nguyễn Đình Tr mất năm 1995 khi đó chưa có vợ con. Nay ông M yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà H để lại trong khối tài chung vợ chồng với ông M là 1.568m² đất thổ cư được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 627466, số tờ bản đồ 25, số thửa đất 04, cấp năm 1997 trong đó có 300m² là đất ở còn lại đất vườn, ngày 04/7/2013 UBND thị xã T cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới mang tên hộ ông Nguyễn Đình M, thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.480,1m². Diện tích thửa đất là tài sản chung của vợ chồng ông M, bà Huấn tạo lập, bà H khi chết không để lại di chúc, nay ông M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể, chia đôi diện tích đất 1.480,1m² mỗi người ½. Còn phần của bà H ½ diện tích thửa đất chia thừa kế cho ông M và 04 người con gồm anh H, chị Th, anh Ng, anh T mỗi người một phần bằng nhau. Phần ½ đất của riêng ông M là 740,05m² và phần ông M được thừa kế của bà H, ông ỹ nhường hết cho anh T. Ngoài ra ông M và bà H không có diện tích đất và không có tài sản nào khác.

Đối với hai ngôi nhà cấp bốn nằm trên diện tích đất, trước đây là nhà do ông M, bà H làm, nhưng đến năm 1991 do bị hư hỏng nặng nên vợ chồng anh Toàn đã dỡ bỏ để làm lại nhà trên và năm 2009 vợ chồng anh T chị đã làm mới hoàn toàn nên hai ngôi nhà trên và nhà dưới mà hiện nay anh Toàn và chị L đang ở là tài sản của anh T và chị L.

Anh Nguyễn Đình H, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho anh H thống nhất trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1930 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1936 (mất năm 2012) có 05 người con gồm: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1963; chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965; anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1967; anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1969 và anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1971 (Chết 1995 chưa có vợ con). Vợ chồng ông M, bà H lên N sinh sống và làm công nhân tại Nông trường Đông Hiếu từ năm 1964. Do gia đình có nhiều lao động nên năm 1984 được Nông trường H cấp gần 1.500m² đất. Ông M, bà H đã làm hai căn nhà cấp 4, trong đó 3 gian nhà dọc, nhà ngang 2 gian bằng gỗ lợp ngói, diện tích khoảng 100m². Anh T lấy vợ năm 1992 và ra ở riêng, đến năm 1994 do bị tai nạn nên quay về chung sống với bố mẹ là ông M, bà H từ đó đến nay. Trong quá trình chung sống anh T có làm lại nhà cụ thể, thêm mái tôn che, sân, làm trần gỗ, lát gạch trong nhà và công trình phụ. Đến năm 1997 diện tích đất này được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 627466, số tờ bản đồ 25, số thửa đất 04, diện tích 1.568m², trong đó 300m² là đất ở còn lại đất vườn. Ngày 04/7/2013 UBND thị xã T cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình M, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.480,1m². Nguồn gốc diện tích đất này là cấp cho cả gia đình chứ không phải cấp riêng cho ông M, bà H nên anh H yêu cầu chia đều cho 6 người gồm ông M, bà H, anh H, chị T hảo, anh N, anh T mỗi người một phần bằng nhau. Do bà Huân đã chết không để lại di chúc nên phần của bà H yêu cầu tiếp tục chia thừa kế theo pháp luật gồm 05 người là ông M ỹ, anh H, chị Th ảo, anh Ng, anh T n mỗi người một phần bằng nhau. Trên đất hiện nay có một số cây gỗ và cây ăn quả do vợ chồng anh T, chị L trồng nên là tài sản của anh T, chị L tự thu hoạch.

Đối với hai ngôi nhà cấp bốn của vợ chồng ông M, bà H, quá trình giải quyết vụ án anh Hiếu, chị Tam có yêu cầu chia thừa kế hai ngôi nhà xây mà hiện nay anh Toàn và chị L đang sử dụng. Tuy nhiên quá trình hòa giải chị T rút không yêu cầu chia nhà nữa.

Ngoài ra năm 1987, anh H lấy vợ và hai vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng trong hai căn nhà trên. Đến cuối năm 1987, gia đình được nông trường Đông Hiếu giao thêm 5 thửa đất để trồng cây công nghiệp gồm: Thửa 132 diện

tích 3.635m²; thửa số 56 diện tích 3100m²; thửa 46+62 diện tích diện tích 4.977m²; thửa 156 diện tích 4.000m². Tổng diện tích của 5 thửa là 15.712m². Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh H chị T yêu cầu chia thừa kế diện tích đất này, nhưng tại phiên tòa anh H , chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H xin rút không yêu cầu nữa.

Chị Nguyễn Thị Th , anh Nguyễn Đình Ng , anh Nguyễn Đình T trình bày: Chị Th , anh Ng , anh T xác định và thừa nhận, vợ chồng ông Nguyễn Đình M và bà Hoàng Thị H ấn sinh được 05 người con họ tên, ngày tháng năm sinh đúng như ông M ỹ, anh H khai. Vợ chồng ông M ỹ, bà H tạo lập được diện tích đất thổ cư thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56, diện tích 1.480,1m². Bà H chết năm 2012, không để lại di chúc, nay ông M yêu cầu chia thừa kế di sản của bà H để lại trong khối tài chung với ông là 1.568m² đất. Chị Th , anh N , anh T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể đây là đất của ông, bà nên chia đôi cho ông với bà mỗi người ½, trong ½ đất của bà H thì chia thừa kế cho 05 người gồm ông M và 04 người con gồm anh H , chị Th , anh Ngu , anh T mỗi người một phần bằng nhau. Phần đất của chị Th và anh Ng được hưởng anh Ng , chị Th xin nhường toàn bộ cho anh T và không nhận gì cả.

Anh Toàn xin nhận toàn bộ phần đất của ông M , chị Th và anh Nguyên nhường cho anh. Ngoài ra ông M và bà H không có diện tích đất nào khác và không có tài sản nào khác.

Chị Lê Thị L trình bày: Chị L là vợ anh T con trai ông M , bà H , hai ngôi nhà trên và nhà dưới hiện nay vợ chồng chị và ông M ỹ đang ở là do vợ chồng chị L phá bỏ nhà cũ do đột nát và làm lại mới hoàn toàn. Đây là tài sản của vợ chồng chị L anh T chứ không phải là tài sản của ông M , bà H tiền công ty sữa TH bồi thường tiền đất nhận khoán của nông trường Đông Hiếu năm 2016 là tiền của vợ chồng chị chứ không phải tài sản của ông M và bà H . Ngoài ra trên đất của ông M và bà H mà vợ chồng chị đang ở có một số cây gỗ và cây ăn quả như cây xoan đầu, cây keo, cây mít, cây chanh, cây bơ, nếu chia thừa kế một phần đất cho người khác thì chị xin thu hoạch các loại cây này vì số cây cối này là tài sản của vợ chồng chị trồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ các Điều 609, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự. Xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình M về việc yêu cầu chia thừa kế ½ diện tích đất là di sản thừa kế của bà Hoàng Thị H để lại trong khối tài sản chung với ông M là 740,05m². Giao cho anh Nguyễn Đình H được quyền sử dụng 148,7m² đất trong đó có 30m² đất ở và 118,7m² đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình M , thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56, cấp ngày 04

tháng 7 năm 2013, có đặc điểm như sau: Hướng Tây bắc giáp đường xóm tính từ điểm 2 đến điểm 3 là 29,2 mét, hướng Đông bắc giáp phần đất còn lại giao cho anh T từ điểm 3 đến điểm 9 là 5,02 mét, hướng Đông nam giáp phần đất còn lại giao cho anh t từ điểm 9 đến điểm 8 là 29,75 mét, hướng Tây nam giáp đường xóm từ điểm 8 đến điểm 1 là 3,66 mét và từ điểm 1 đến điểm 2 là 1,75 mét (Có sơ đồ kèm theo). Diện tích đất này được định giá có giá trị là 9.503.000 đồng. Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Đình T được quyền thu hoạch các cây xoan, cây mít, cây chanh, cây bơ, cây keo đã trồng trên diện tích 148,7m² đất này.

Giao cho anh Nguyễn Đình T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại là 1.331,4m², trong đó có 270m² đất ở và 1.061,4 m² đất vườn, có đặc điểm như sau: Hướng Tây bắc giáp đường xóm từ điểm 3 đến điểm 4 là 11,51 mét, hướng Đông bắc giáp với đất nông trường từ điểm 4 đến điểm 5 là 33,45 mét, hướng Đông nam giáp thửa đất số 13 từ điểm 5 đến điểm 6 là 23,19 mét và từ điểm 6 đến điểm 7 là 23,20 mét, hướng Tây nam từ điểm 7 đến điểm 8 là 28,97 mét. (Có sơ đồ kèm theo). Diện tích đất này được định giá có giá trị là 85.182.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 anh Nguyễn Đình H kháng cáo với nội dung: Diện tích thửa đất được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 và UBND thị xã T cấp đổi năm 2013 là cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình M thời điểm có 06 người nên yêu cầu chia 06 phần bằng nhau, còn phần bà H chết không để lại di chúc chia cho 05 suất thừa kế theo pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Đình Hi giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất và nhường lại cho anh T phần của mình, nhưng cấp sơ thẩm giao toàn bộ diện tích đất cả phần tài sản ông M cho anh T là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Ngày 29/3/2019 chị Th có văn bản từ chối nhận thừa kế đã được chứng thực, chưa được hủy bỏ, nhưng cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận sự nhường phần cho anh T là chưa phù hợp. Và vợ chồng anh T, chị L có thời gian sống trên thửa đất với vợ chồng ông m tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị tạm dừng phiên tòa để xác minh, thu thập hồ sơ cấp đất năm 2013 để làm căn cứ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm vợ chồng anh T , chị L xác định và thừa nhận; mặc dù vợ chồng anh Toàn có thời gian sống trên thửa đất cùng vợ chồng ông M , bà H tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông M , bà H . Do đó việc tạm ngừng để thu thập, xác minh vợ chồng anh T có liên quan đến thửa đất đang tranh chấp là không cần thiết. Đối với việc chị Th từ chối nhận di sản thừa kế ngày 29/3/2019, tuy nhiên trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ngày 10/7/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm chị Th đã có ý kiến nhận và tự nguyện nhường cho anh T phần thừa kế của mình. Đây là sự tự nguyện định đoạt phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Về nội dung: Vợ chồng ông Nguyễn Đình M và bà Hoàng Thị H sử dụng thửa đất thổ cư từ năm 1964, trong quá trình sinh sống do yêu cầu của Nông trường nên có sự thay đổi nơi ở nhiều lần. Năm 1984 vợ chồng ông Mỹ được đổi về thửa đất hiện nay làm nhà ở ổn định, đến năm 1997 được UBND huyện N cấp giấy CNQSD đất thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 25 diện tích 1.568m² (trong đó có 300m² đất ở 1.268m² đất vườn). Năm 2013 UBND thị xã T cấp đổi giấy CNQSD đất thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 56 tại xóm D xã D, thị xã T diện tích 1.480,1m² mang tên gia đình ông Nguyễn Đình M .

Quá trình sử dụng đất vợ chồng ông M , bà H xây dựng nhà cấp 4 ở đến năm 2009 do ngôi nhà hư hỏng nặng nên vợ chồng ông M cho vợ chồng anh T , chị L (con trai) tháo dỡ làm lại nhà mới, nên ngôi nhà và các tài sản xây dựng trên đất là của vợ chồng anh T , chị L và nay ông M vẫn đang ở trong nhà cùng với vợ chồng anh T , chị L .

Vợ chồng ông Mỹ, bà Huân có 05 người con gồm: Anh Nguyễn Đình H , chị Nguyễn Thị Th , anh Nguyễn Đình Ng, anh Nguyễn Đình T và anh Nguyễn Đình Th (anh Th chết năm 1995, chưa có vợ con).

Bà Hoàng Thị H vợ ông M chết năm 2012 không để lại di chúc. Di sản của bà H để lại gồm ½ diện tích thửa đất thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 56 tại xóm D xã D, thị xã T diện tích 1.480,1m².

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đình H cho rằng: Diện tích thửa đất mà ông Nguyễn Đình Mỹ đang quản lý sử dụng và yêu cầu chia di sản thừa kế do

UBND huyện D cấp giấy CNQSD đất năm 1997 và UBND thị xã T cấp đổi lại là cấp cho hộ gia đình chứ không phải là tài sản của vợ chồng ông M , bà H , nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế phần di sản của bà H là không đúng pháp luật. Xét thấy: Vợ chồng ông Nguyễn Đình M và bà Hoàng Thị H đến huyện N (nay là thị xã T) làm công nhân lập nghiệp từ những năm 1960, được Nông trường D cấp đất để làm nhà ở. Do nhu cầu sử dụng đất của Nông trường, nên gia đình ông M nhiều lần phải thay đổi nơi ở. Đến năm 1984 thì vợ chồng ông M được cấp thửa đất và làm nhà ở ổn định. Năm 1997 thửa đất được UBND huyện N cấp đổi Giấy CNQSD đất thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 56 tại xóm D, xã D, thị xã T diện tích 1.480,1m².

Trong quá trình giải quyết vụ án ông M , các con của ông M , bà H trong đó có vợ chồng anh Nguyễn Đình H , chị Đình Thị T đều xác định và thừa nhận: Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng ông M , bà H được Nông trường D giao để lập nghiệp từ những năm 1960, sau đó được di chuyển đổi nhiều lần, đến năm 1984 thì chuyển đổi về thửa đất hiện nay và vợ chồng ông M , bà H làm nhà ở ổn định. Và tại thời điểm năm 1997 thửa đất được cấp giấy CNQSD đất thì các con của ông M , bà H lớn lên trưởng thành lập gia đình đều ra ở riêng. Chỉ vợ chồng anh T ở cùng vợ chồng ông M tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất, nhưng vợ chồng anh T, chị L cũng khẳng định, diện tích thửa đất là tài sản của vợ chồng ông M , bà H (bố mẹ anh T), vì năm 1992 anh T lấy vợ cũng đã ra ở riêng nơi khác, năm 1994 anh Toàn bị tai nạn mới về ở cùng ông M , bà H cho đến nay. Do đó, mặc dù trong giấy CNQSD đất năm 1997 và cấp đổi năm 2013 mang tên gia đình ông Nguyễn Đình M , nhưng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 56 tại xóm D, xã D, thị xã Thái Hòa diện tích 1.480,1 m² là của vợ chồng ông Nguyễn Đình M và bà Hoàng Thị H . Căn cứ thực trạng thửa đất, các loại tài sản tọa lạc trên đất và sự tự nguyện nhường phần di sản của ông M , anh Ng , chị Th cho vợ chồng anh T , cấp sơ thẩm tiến hành chia phần di sản của bà Hoàng Thị H cho các đồng thừa kế theo pháp luật là phù hợp. Đối với phần tài sản của ông Mỹ là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất, trong quá trình giải quyết vụ án ông M yêu cầu xác định phần tài sản của ông trong khối tài sản chung vợ chồng ông M , bà H và tự nguyện cho anh T được sử dụng toàn bộ. Do đó cấp sơ thẩm xác định phần tài sản của ông M và giao toàn bộ cho anh T sử dụng là phù hợp, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M . Bởi vậy kháng cáo của anh Nguyễn Đình H không có căn cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Kháng cáo của anh H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đình H, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 609, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự. Xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình M về việc yêu cầu chia thừa kế $\frac{1}{2}$ diện tích đất là di sản thừa kế của bà Hoàng Thị H để lại trong khối tài sản chung với ông M là 740,05m².

Giao cho anh Nguyễn Đình H được quyền sử dụng 148,7m² đất trong đó có 30m² đất ở và 118,7m² đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình M thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56, cấp ngày 04 tháng 7 năm 2013, tại xóm D, xã d, thị xã T, tỉnh Nghệ An, có đặc điểm như sau: Hướng Tây bắc giáp đường xóm tính từ điểm 2 đến điểm 3 là 29,2 mét, hướng Đông bắc giáp phần đất còn lại giao cho anh T từ điểm 3 đến điểm 9 là 5,02 mét, hướng Đông nam giáp phần đất còn lại giao cho anh toàn từ điểm 9 đến điểm 8 là 29,75 mét, hướng Tây nam giáp đường xóm từ điểm 8 đến điểm 1 là 3,66 mét và từ điểm 1 đến điểm 2 là 1,75 mét (Có sơ đồ kèm theo). Diện tích đất này được định giá có giá trị là 9.503.000 đồng. Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Đình T được quyền thu hoạch các cây xoan, cây mít, cây chanh, cây bơ, cây keo đã trồng trên diện tích 148,7m² đất này.

Giao cho anh Nguyễn Đình T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại là 1.331,4m², trong đó có 270m² đất ở và 1.061,4 m² đất vườn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình M thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56, cấp ngày 04 tháng 7 năm 2013, tại xóm D, xã d, thị xã T, tỉnh Nghệ An, có đặc điểm như sau: Hướng Tây bắc giáp đường xóm từ điểm 3 đến điểm 4 là 11,51 mét, hướng Đông bắc giáp với đất nông trường từ điểm 4 đến điểm 5 là 33,45 mét, hướng Đông nam giáp thửa đất số 13 từ điểm 5 đến điểm 6 là 23,19 mét và từ điểm 6 đến điểm 7 là 23,20 mét, hướng Tây nam từ điểm 7 đến điểm 8 là 28,97 mét. (Có sơ đồ kèm theo). Diện tích đất này được định giá có giá trị là 85.182.000 đồng.

(Ông Nguyễn Đình M là người đang quản lý, sử dụng thửa đất là người có nghĩa vụ thi hành án giao đất).

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định về pháp luật đất đai.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình H phải chịu 475.150 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Nguyễn Đình T phải chịu 4.259.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tiền số 0001015 ngày 19/11/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã T;
- Chi Cục THADS thị xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phần